

Số: **521** /ĐLTKV-KTTT.
V/v: công bố BCTC năm 2016 sau kiểm toán

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

Trụ sở chính: Số 78 tòa nhà Sannam, ngõ 78 đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04 35161605 Fax: 04 35161610

Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Thế Hồng, Phó chánh Văn phòng, Thư ký HĐQT Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (theo Văn bản ủy quyền số 762/UQ-ĐLTKV ngày 05/5/2016).

Địa chỉ: SN 66 ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0912 217 216

Số CMTND: 012029799 Ngày cấp: 16/5/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội.

Email: hongnt@vinacominpowers.vn

- Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2016 sau kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- HĐQT, BKS TCTy (b/c);
- Các Phó TGD;
- Các ban: TC, KH, PCTT;
- VP (đăng Website TCT);
- Lưu VP, KTTT, Th(12).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016
và kết thúc vào ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 54

13440
CÔN
CH NHI
P
VIỆ
H XU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông theo Điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
Cộng		680.000.000	100%

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP và các báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát có điều chỉnh một số bút toán quan trọng phát sinh từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/01/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ, các công ty con trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc (i)
- Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc (ii)
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Phó Tổng Giám đốc (iii)
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc (iv)
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc (v)

(i) Theo Quyết định số 16/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(ii) Theo Quyết định số 17/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(iii) Theo Quyết định số 18/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

(iv) Theo Quyết định số 19/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

(v) Theo Quyết định số 20/QĐ-ĐLTKV ngày 21/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

4. Trụ sở

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính tại số 78 tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016).

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

6. Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chưa có quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016 theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngô Trí Thịnh

34406
CÔNG
H NHIỆM
PK
VIỆT I
XUẤT

Số: 73 /2017/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được lập ngày 07 tháng 04 năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 12 đến trang 54 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm hiện tại Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV chưa ghi nhận khoản tiền bồi thường chậm tiến độ hợp đồng có thể thu được từ nhà thầu của Gói thầu số 3 - "Thiết kế, cung cấp thiết bị, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và chuyển giao công nghệ Nhà máy Nhiệt điện chạy than Cao Ngạn công suất 2x50MW" theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước do chưa thống nhất được số tiền phạt chính thức với nhà thầu như đã trình bày tại thuyết minh số 7.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Đỗ Thị Ánh Tuyết
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0079-2015-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 2917-2015-242-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	15/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.437.298.720.880	2.798.604.435.148
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		350.352.719.847	74.664.858.126
Tiền	111	5.1	64.352.719.847	74.664.858.126
Các khoản tương đương tiền	112		286.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.898.876.234.387	2.486.308.033.415
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.832.575.830.816	2.360.955.159.129
Trả trước cho người bán	132		17.549.288.486	27.732.015.075
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	53.980.161.995	97.787.792.867
DP các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(5.229.046.910)	(166.933.656)
Hàng tồn kho	140	5.6	115.105.356.004	181.584.769.112
Hàng tồn kho	141		115.427.528.420	181.908.867.414
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(322.172.416)	(324.098.302)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.964.410.642	56.046.774.495
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	5.586.368.092	4.584.888.988
Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.899.495.056	44.622.249.522
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	14.478.547.494	6.839.635.985
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.217.128.695.044	25.492.741.250.130
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.654.741.378	6.948.429.378
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	7.654.741.378	6.948.429.378
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		21.750.060.781.916	23.587.380.869.395
TSCĐ hữu hình	221	5.8	21.720.948.623.839	23.550.755.151.021
- Nguyên giá	222		33.072.779.667.978	32.977.158.048.361
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.351.831.044.139)	(9.426.402.897.340)
TSCĐ vô hình	227	5.9	29.112.158.077	36.625.718.374
- Nguyên giá	228		32.274.149.758	38.436.121.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.161.991.681)	(1.810.402.864)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	118.100.951.732	97.512.462.455
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		30.975.440.633	20.628.408.300
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		87.125.511.099	76.884.054.155
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	797.472.925.996	941.247.404.569
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		985.091.726.279	941.247.404.569
DP giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	254		(187.618.800.283)	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.543.839.294.022	859.652.084.333
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.342.150.083.112	630.776.968.112
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		201.689.210.910	228.875.116.221
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.654.427.415.924	28.291.345.685.278

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	15/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		20.126.380.337.651	22.294.397.920.880
Nợ ngắn hạn	310		4.676.219.828.237	5.170.878.547.706
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.648.288.783.056	2.132.966.795.957
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		92.425.455	5.488.785.442
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	25.447.644.104	72.995.580.632
Phải trả người lao động	314		60.386.904.363	74.410.846.416
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	293.101.469.315	272.647.353.032
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	49.785.256.863	68.679.643.132
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	2.575.736.674.483	2.522.408.999.823
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		23.380.670.598	21.280.543.272
Nợ dài hạn	330		15.450.160.509.414	17.123.519.373.174
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	626.944.266.919	618.416.284.351
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	14.798.271.511.739	16.505.103.088.823
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		24.944.730.756	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.528.047.078.273	5.996.947.764.398
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	6.521.127.828.430	5.989.040.050.291
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.800.000.000.000	6.436.967.325.797
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.800.000.000.000	6.436.967.325.797
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.621.853.512)	18.746.488
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.848.203.592)	313.922.583.745
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		16.947.671.039	18.017.398.052
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(451.405.772.195)	(898.486.815.948)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(922.763.975.801)	(846.949.697.402)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		471.358.203.606	(51.537.118.546)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		161.055.986.690	118.600.812.157
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.919.249.843	7.907.714.107
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		6.919.249.843	7.907.714.107
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.654.427.415.924	28.291.345.685.278

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU THỊ MINH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ TRÍ THỊNH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.384.313.539.225	(628.240.250.695)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.2	9.384.313.539.225	(628.240.250.695)
Giá vốn hàng bán	11	6.3	8.029.361.500.407	191.747.318.009
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.354.952.038.818	(819.987.568.704)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	43.811.644.431	32.136.557.666
Chi phí tài chính	22	6.5	641.506.277.922	(710.470.562.598)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		846.531.743.267	24.181.265.853
Chi phí bán hàng	25	6.8	2.015.565.664	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	203.511.574.146	5.725.932.594
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		551.730.265.517	(83.106.381.034)
Thu nhập khác	31	6.6	808.218.691	(259.543.637)
Chi phí khác	32	6.7	13.780.375.313	1.193.320.526
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(12.972.156.622)	(1.452.864.163)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		538.758.108.895	(84.559.245.197)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		24.944.730.756	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		513.813.378.139	(84.559.245.197)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	61		42.455.174.533	(33.022.126.651)
Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		471.358.203.606	(51.537.118.546)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	693	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU THỊ MINH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HÀ

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ TRÍ THỊNH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	538.758.108.895	(84.559.245.197)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.926.263.683.022	57.119.388.699
Các khoản dự phòng	03	192.678.987.651	(209.511.111.313)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	198.024.246.949	(41.756.746.151)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.965.877.064)	(25.235.000.000)
Chi phí lãi vay	06	846.531.743.267	24.181.265.853
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	73.672.668.781
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.687.290.892.720	(206.088.779.328)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	565.747.216.731	687.908.588.648
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	93.667.244.305	21.954.427.053
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(3.336.695.985)	103.050.228.404
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(712.374.594.104)	(565.172.299.436)
Tiền lãi vay đã trả	14	(830.760.683.946)	(3.582.666.667)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.570.404.544	60.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.024.109.830)	(371.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.796.779.674.435	37.757.798.674
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21	(664.137.730.944)	(19.279.828.339)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	75.927.918
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.844.321.710)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.965.644.734	25.235.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(693.016.407.920)	6.031.099.579
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.992.398.358.444	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.820.473.995.568)	(30.075.927.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.828.075.637.124)	(30.075.927.918)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	74.664.858.126	60.951.887.791
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	232.330	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	350.352.719.847	74.664.858.126

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU THỊ MINH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HÀ

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017
 TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ TRÍ THỊNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông theo Điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
Cộng		680.000.000	100%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở tại tại số 78 tầng 2 tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, Tổng Công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con:

Đơn vị trực thuộc

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại phường Quán Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại xã Sần Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại xã Thanh Luận, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
2. Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Vốn góp của Tổng Công ty</i>	<i>Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 31/12/2015</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV</i>	<i>1.757.179.069.334</i>	<i>89,21%</i>	<i>89,21%</i>
<i>Công ty CP Than Điện Nông Sơn - TKV</i>	<i>124.279.500.000</i>	<i>88,77%</i>	<i>88,77%</i>

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 là năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP và các báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát có điều chỉnh một số bút toán quan trọng phát sinh từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/01/2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ, các công ty con trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty được thực hiện theo Công văn số 04/TKV-KT ngày 03/01/2017 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.720 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.790 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.790 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến ngày 31/12/2016 (chênh lệch tỷ giá ngày 31/12/2016 so với tỷ giá gốc nhận nợ gốc vay và nợ phải trả nhà thầu) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được phân bổ vào chi phí trong thời gian không quá 05 năm kể từ năm 2017 theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 3383/BTC-TCDN ngày 14/3/2017 và được Chính phủ phê duyệt tại công văn số 2965/VPCP-KTTH ngày 28/3/2017. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực – TKV được phân bổ không quá 5 năm (bắt đầu từ thời điểm 15/01/2016) theo hướng dẫn tại Công văn số 558/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính.

4.5 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá: được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.7.1 Tài sản cố định hữu hình

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

4.7.2 Tài sản cố định vô hình

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
- Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.9 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Tổng Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- + Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- + Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- + Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ chi phí này.

Chi phí trả trước chủ yếu là giá trị của các công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phân bổ cho nhiều kỳ, và chi phí trả trước khác các chi phí này sẽ được phân bổ không quá 03 năm kể từ khi phát sinh.

4.12 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.14 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/01/2016, vốn điều lệ của Tổng Công ty (Công ty mẹ) là 6.800.000.000.000 đồng và được chia thành 680.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 31/12/2016	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	100%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	100%
Cộng	680.000.000	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

4.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.17 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

4.18 Thuế

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 31/12/2016.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	1.414.689.840	1.357.487.781
Tiền gửi ngân hàng (ii)	62.938.030.007	73.307.370.345
Cộng	<u>64.352.719.847</u>	<u>74.664.858.126</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2016 bao gồm:	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		1.414.689.840
Cộng		<u>1.414.689.840</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)	508,08 #	11.543.581
Đồng Việt Nam		62.926.486.426
Cộng	<u>508,08</u>	<u>62.938.030.007</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		15/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (VND)
Ngắn hạn	-	-	-	-
Dài hạn	985.091.726.279	797.472.925.996 (187.618.800.283)	941.247.404.569	941.247.404.569
<u>Đầu tư vào đơn vị khác:</u>	985.091.726.279	797.472.925.996 (187.618.800.283)	941.247.404.569	941.247.404.569
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	146.750.416.279	146.750.416.279	102.906.094.569	102.906.094.569
- Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	290.222.509.717 (187.618.800.283)	477.841.310.000	477.841.310.000
Cộng	985.091.726.279	797.472.925.996 (187.618.800.283)	941.247.404.569	941.247.404.569

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty mà Tổng Công ty góp vốn tại ngày 31/12/2016

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2016 (VND)	15/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	1.832.575.830.816	2.360.955.159.129
Công ty Mua bán điện	1.825.977.380.559	2.358.466.872.048
Các khách hàng khác	6.598.450.257	2.488.287.081
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.832.575.830.816	2.360.955.159.129

5.4 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	53.980.161.995	-	97.787.792.867	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.317.349.800	-	1.194.349.800	-
Phải thu khác (i)	52.662.812.195	-	96.593.443.067	-
b. Dài hạn	7.654.741.378	-	6.948.429.378	-
Ký cược, ký quỹ	7.654.741.378	-	6.948.429.378	-
Cộng	61.634.903.373	-	104.736.222.245	-

(i) Phải thu khác tại ngày 31/12/2016 bao gồm	31/12/2016 (VND)
<i>Phải thu tiền vật tư nhà thầu SEFCO</i>	4.532.276.360
<i>Thuế nhập khẩu thiết bị nộ hộ nhà thầu</i>	1.945.463.773
<i>Tiền giải phóng mặt bằng - TT phát triển quỹ đất huyện Đắc R'Lấp</i>	1.420.905.880
<i>Tạm ứng</i>	1.689.997.760
<i>CN TCT Đông Bắc - Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại</i>	1.010.000.000
<i>Phải thu tiền cổ tức Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng</i>	7.210.000.000
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI</i>	1.000.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên môi trường - TKV</i>	1.250.000.000
<i>Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân</i>	3.835.791.547
<i>Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ tại NĐ Cẩm Phả</i>	17.994.102.923
<i>Phải thu tiền than không đủ chất lượng</i>	5.701.943.699
<i>Các khoản khác</i>	5.072.330.253
Cộng	52.662.812.195

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.5 Nợ xấu

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	5.229.046.910	-	166.933.656	-
Dưới 3 năm	8.666.352	-	7.883.098	-
Các đối tượng khác	8.666.352	-	7.883.098	-
Từ 3 năm trở lên	5.220.380.558	-	159.050.558	-
Điện lực Thái Nguyên	13.621.000	-	-	-
Vụ Năng lượng - Bộ Công thương	42.110.000	-	-	-
Công ty CP xây dựng số 18	5.005.599.000	-	-	-
Trung tâm nghiên cứu, TK ứng dụng CN mới	72.660.000	-	72.660.000	-
Đối tượng khác	86.390.558	-	86.390.558	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	100.306.855.769	(322.172.416)	170.231.756.950	(324.098.302)
Công cụ, dụng cụ	655.258.117	-	879.241.742	-
Chi phí SXKD DD	10.864.529.657	-	9.313.044.473	-
Thành phẩm	3.600.884.877	-	1.484.824.249	-
Cộng	115.427.528.420	(322.172.416)	181.908.867.414	(324.098.302)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	30.975.440.633	-	20.628.408.300	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Dự án san gạt Vĩnh Tân)	30.975.440.633	-	20.628.408.300	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	87.125.511.099	-	76.884.054.155	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	86.964.865.502	-	76.884.054.155	-
Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	20.734.461.167	-	21.748.387.400	-
Xây dựng bãi thải xỉ NMNĐ Na Dương giai đoạn 2011 - 2012 (nay là giai đoạn 2013 - 2015)	19.360.236.232	-	19.162.311.982	-
Dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương 2	9.019.902.990	-	5.807.169.036	-
Dự án nhà máy nhiệt điện Quỳnh Lập 1	17.819.613.177	-	17.230.670.450	-
Khu CBCNV điều hành sản xuất	8.798.105.351	-	-	-
Đường công vụ từ Quốc lộ 18A đến NMNĐ Đông Triều	5.571.542.971	-	-	-
Các công trình khác	5.661.003.614	-	12.935.515.287	-
- Sửa chữa	160.645.597	-	-	-
Chi phí sửa chữa lớn	160.645.597	-	-	-
Cộng	118.100.951.732	-	97.512.462.455	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	9.013.108.110.805	22.873.363.878.986	573.514.811.531	74.498.258.794	442.672.988.245	32.977.158.048.361
- Mua trong năm	-	6.020.164.545	-	3.207.381.819	-	9.227.546.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	164.368.969.800	84.092.980.335	-	-	-	248.461.950.135
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	(4.445.374.753)	441.922.890.514	(241.038.199.933)	(26.466.101.263)	(169.973.214.565)	-
- Tăng khác	-	-	2.840.206.823	248.948.052	-	3.089.154.875
- Thanh lý, nhượng bán	(535.756.350)	(2.343.979.740)	-	(68.950.000)	-	(2.948.686.090)
- Giảm khác	(38.026.049.409)	(121.556.721.843)	(2.411.962.727)	(213.611.688)	-	(162.208.345.667)
Số dư cuối năm	9.134.469.900.093	23.281.499.212.797	332.904.855.694	51.205.925.714	272.699.773.680	33.072.779.667.978
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	1.153.094.892.343	7.811.756.006.727	235.239.251.341	48.888.182.495	177.424.564.434	9.426.402.897.340
- Khấu hao trong năm	413.460.884.614	1.437.368.922.891	34.006.623.294	8.921.237.390	31.154.426.016	1.924.912.094.205
- Hao mòn trong năm	1.019.820.076	-	-	-	988.464.264	2.008.284.340
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	(1.353.608.102)	151.649.605.273	(63.751.226.775)	(16.668.030.982)	(69.876.739.414)	-
- Tăng khác	-	-	1.109.471.144	60.650.091	-	1.170.121.235
- Thanh lý, nhượng bán	(206.064.286)	(1.209.437.941)	-	(68.950.000)	-	(1.484.452.227)
- Giảm khác	(30.550.347)	-	(1.088.701.057)	(58.649.350)	-	(1.177.900.754)
Số dư cuối năm	1.565.985.374.298	9.399.565.096.950	205.515.417.947	41.074.439.644	139.690.715.300	11.351.831.044.139
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	7.860.013.218.462	15.061.607.872.259	338.275.560.190	25.610.076.299	265.248.423.811	23.550.755.151.021
Tại ngày cuối năm	7.568.484.525.795	13.881.934.115.847	127.389.437.747	10.131.486.070	133.009.058.380	21.720.948.623.839

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	36.478.769.295	1.729.625.579	227.726.364	38.436.121.238
- Mua trong năm	-	1.085.000.000	-	1.085.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	(7.246.971.480)	-	-	(7.246.971.480)
Số dư cuối năm	29.231.797.815	2.814.625.579	227.726.364	32.274.149.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	716.713.123	977.465.195	116.224.546	1.810.402.864
- Khấu hao trong năm	993.914.394	332.426.067	25.248.356	1.351.588.817
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.710.627.517	1.309.891.262	141.472.902	3.161.991.681
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	35.762.056.172	752.160.384	111.501.818	36.625.718.374
Tại ngày cuối năm	27.521.170.298	1.504.734.317	86.253.462	29.112.158.077

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2016 (VND)	15/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn	5.586.368.092	4.584.888.988
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.904.987.066	3.043.847.270
Chi phí bảo hiểm	456.298.085	1.210.693.113
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	225.082.941	330.348.605
b. Dài hạn	1.342.150.083.112	630.776.968.112
Tiền thuê nhà trả trước nhiều năm	3.594.516.480	7.189.032.960
Chi phí bảo hiểm	5.893.490.441	330.173.317
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	1.561.023.195	3.560.465.633
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	142.123.053.339	53.580.993.164
Chi phí đào tạo vận hành	910.711.270	1.787.148.473
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	32.185.394.733	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm	1.155.085.021.236	563.867.266.554
Chi phí trả trước dài hạn khác	796.872.418	461.888.011
Cộng	1.347.736.451.204	635.361.857.100

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		15/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.648.288.783.056	1.648.288.783.056	2.132.966.795.957	2.132.966.795.957
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	463.981.497.686	463.981.497.686	292.431.575.354	292.431.575.354
Tổng Công ty Đồng Bắc	152.534.868.663	152.534.868.663	186.203.196.129	186.203.196.129
Công ty Kho Vận Đá Bạc - Vinacomin	84.759.333.730	84.759.333.730	60.448.391.305	60.448.391.305
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng Công ty Sông Đà	524.772.038.806	524.772.038.806	556.626.952.526	556.626.952.526
Công ty TNHH công trình cấp Nhĩ Tân	28.570.420.048	28.570.420.048	627.052.767.446	627.052.767.446
Nhà thầu Tổng Công ty thiết bị nặng Trung Quốc (DA NS)	140.082.512.898	140.082.512.898	138.545.846.456	138.545.846.456
LD HydroChina HuaDong và Tianjin Alstom Hydro	10.467.633.422	10.467.633.422	63.567.142.902	63.567.142.902
CN TCT Đông Bắc - Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại	29.903.812.372	29.903.812.372	-	-
Phải trả các đối tượng khác	213.216.665.431	213.216.665.431	208.090.923.839	208.090.923.839
Các khoản phải trả người bán dài hạn	626.944.266.919	626.944.266.919	618.416.284.351	618.416.284.351
Nhà thầu SFECO	391.979.361.677	391.979.361.677	386.647.479.181	386.647.479.181
Công ty TNHH công trình cấp Nhĩ Tân	234.964.905.242	234.964.905.242	231.768.805.170	231.768.805.170
Cộng	2.275.233.049.975	2.275.233.049.975	2.751.383.080.308	2.751.383.080.308

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

	15/01/2016 (VND)		31/12/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c.				
Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	1.892.634.255.399	1.892.634.255.399	2.114.072.507.353	2.114.072.507.353
Vay ngân hàng	197.174.115.096	197.174.115.096	941.439.768.601	941.439.768.601
Vay Tập đoàn	1.695.460.140.303	1.695.460.140.303	1.172.632.738.752	1.172.632.738.752
d.				
Số dư tại thời điểm lập BCTC	18.022.888.088.646	18.022.888.088.646	16.368.308.986.222	16.368.308.986.222
d.1				
Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	2.522.408.999.823	2.522.408.999.823	2.575.736.674.483	2.575.736.674.483
d.2				
Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	15.500.479.088.823	15.500.479.088.823	13.792.572.311.739	13.792.572.311.739
e.				
Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan	11.558.100.955.271	11.558.100.955.271	9.969.962.002.325	9.969.962.002.325
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam – Vinacomin	11.558.100.955.271	11.558.100.955.271	9.969.962.002.325	9.969.962.002.325
Vay và nợ ngắn hạn	1.695.460.140.303	1.695.460.140.303	1.172.632.738.752	1.172.632.738.752
Vay và nợ dài hạn	9.862.640.814.968	9.862.640.814.968	8.797.329.263.573	8.797.329.263.573
Cộng	11.558.100.955.271	11.558.100.955.271	9.969.962.002.325	9.969.962.002.325

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

f. Trái phiếu phát hành

	31/12/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn
- Mệnh giá	1.005.699.200.000	9,43%	5 năm	1.004.624.000.000	9,5%	5 năm
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.005.699.200.000			1.004.624.000.000		

Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 31/12/2016:

- Phát hành lần 1:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 450.000.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 27/6/2014 và đáo hạn vào ngày 27/6/2019. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái chủ (Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 27/6/2014 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 27/6/2019 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 27/6 và ngày 27/12 hàng năm, với mức lãi suất bằng tổng của 3,3%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch 1) tại ngày xác định lãi suất.

- Phát hành lần 2:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29/12/2015 và đáo hạn vào ngày 29/12/2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29/12/2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29/12/2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

- Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;
- Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.13 Thuế

	15/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	72.244.057.877	236.057.917.553	295.275.065.698	13.026.909.732
Thuế xuất nhập khẩu	3.292	2.363.169.737	2.363.173.029	-
Thuế thu nhập cá nhân	261.340.942	1.381.006.241	1.320.047.603	322.299.580
Thuế tài nguyên	483.693.193	51.373.187.018	49.955.837.369	1.901.042.842
Thuế đất và tiền thuê đất	-	10.354.429.777	4.016.808.894	6.337.620.883
Các loại thuế khác	-	851.680.941	851.680.941	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.485.328	22.409.144.362	18.555.858.623	3.859.771.067
Cộng	72.995.580.632	324.790.535.629	372.338.472.157	25.447.644.104
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	255.542.742	15.368.079.972	26.144.612.355	11.032.075.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.904.592	-	-	413.904.592
Thuế thu nhập cá nhân	418.152.244	301.573.662	7.137.356	123.715.938
Thuế tài nguyên	4.158.383.440	4.158.383.440	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	19.696.106	1.295.142.249	1.275.446.143
Các loại thuế khác	1.593.652.967	12.603.395.489	12.629.870.986	1.620.128.464
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	26.640.471	39.917.703	13.277.232
Cộng	6.839.635.985	32.477.769.140	40.116.680.649	14.478.547.494

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.14 Chi phí phải trả

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
Ngắn hạn	293.101.469.315	272.647.353.032
Chi phí lãi vay phải trả	259.664.636.493	250.823.256.918
Lãi chậm trả tiền than	18.274.231.453	16.809.988.998
Chi phí phải trả khác	15.162.601.369	5.014.107.116
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>293.101.469.315</u>	<u>272.647.353.032</u>

5.15 Phải trả khác

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>15/01/2016</u> (VND)
Ngắn hạn	49.785.256.863	68.679.643.132
Phải trả về cổ phần hoá	-	18.227.600.000
Thưởng an toàn điện	6.840.062.569	4.232.725.291
Nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Mô tơ, máy phát nhà thầu Harbin	3.304.550.000	3.259.600.000
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản VN	29.636.487.926	31.636.592.657
Các khoản khác	5.681.722.292	7.000.691.108
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>49.785.256.863</u>	<u>68.679.643.132</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại TS		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		LICĐ không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 15/01/2016	6.436.967.325.797	18.746.488	313.922.583.745	18.017.398.052	(898.486.815.948)	118.600.812.157	5.989.040.050.291							
Tăng vốn trong năm	21.915.000.000	-	-	-	-	-	21.915.000.000							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	42.455.174.533	513.813.378.139							
Tặng khác	571.667.635.538	-	(570.597.908.525)	(1.069.727.013)	-	-	-							
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-							
Giảm khác	(230.549.961.335)	(3.640.600.000)	254.827.121.188	-	(24.277.159.853)	-	(3.640.600.000)							
Số dư cuối năm nay	6.800.000.000.000	(3.621.853.512)	(1.848.203.592)	16.947.671.039	(451.405.772.195)	161.055.986.690	6.521.127.828.430							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 (VND)	15/01/2016 (VND)
Vốn của Nhà nước	6.778.085.000.000	6.436.967.325.797
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	-
Cộng	6.800.000.000.000	6.436.967.325.797

Cổ phiếu

	31/12/2016	15/01/2016
Số lượng CP đăng ký phát hành	680.000.000	680.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

3440
CÔNG
NHIỆM
PK
IỆT N
QUẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>9.384.313.539.225</u>	<u>(628.240.250.695)</u>
Doanh thu bán than	131.456.990.630	-
Doanh thu bán điện	9.202.022.945.515	(629.296.561.498)
Doanh thu khác	50.833.603.080	1.056.310.803

6.2 Doanh thu thuần

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>9.384.313.539.225</u>	<u>(628.240.250.695)</u>
Doanh thu thuần bán than	131.456.990.630	-
Doanh thu thuần bán điện	9.202.022.945.515	(629.296.561.498)
Doanh thu thuần khác	50.833.603.080	1.056.310.803

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Giá vốn than bán	65.062.203.753	-
Giá vốn điện	7.919.519.232.941	190.729.579.764
Giá vốn khác	44.780.063.713	1.017.738.245
Cộng	<u>8.029.361.500.407</u>	<u>191.747.318.009</u>

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.755.644.734	-
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	7.210.000.000	25.235.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.845.999.697	6.870.625.598
Doanh thu tài chính khác	-	30.932.068
Cộng	<u>43.811.644.431</u>	<u>32.136.557.666</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Lãi tiền vay	846.531.743.267	24.181.265.853
Chênh lệch tỷ giá	196.201.435.284	(34.977.051.433)
Giảm chi phí tài chính do treo lại khoản chênh lệch tỷ giá để phân bổ 5 năm	(591.217.754.682)	(563.867.266.554)
Chi phí tài chính khác	1.075.200.000	73.703.600.849
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	187.618.800.283	(209.511.111.313)
Cộng	641.506.277.922	(710.470.562.598)

6.6 Thu nhập khác

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Các khoản khác	808.218.691	(259.543.637)
Cộng	808.218.691	(259.543.637)

6.7 Chi phí khác

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Xử lý thanh lý tài sản tại Cao Ngạn	1.284.419.217	637.072.526
Tiền thuê đất từ 2012-2015 (Cao Ngạn)	5.070.096.706	-
Chi phí khác	7.425.859.390	556.248.000
Cộng	13.780.375.313	1.193.320.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	203.511.574.146	5.725.932.594
Chi phí nhân viên quản lý	96.918.067.422	2.691.072.612
Chi phí khấu hao	16.813.041.253	567.908.001
Dịch vụ mua ngoài	13.580.719.584	347.163.161
Các khoản khác	76.199.745.887	2.119.788.820
b. Chi phí bán hàng	2.015.565.664	-
Chi phí nhân viên	347.768.895	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	632.304.967	-
Các khoản khác	1.035.491.802	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	205.527.139.810	5.725.932.594

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 14/01/2016 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.615.716.694.050	126.164.198.515
Chi phí nhân công	305.418.507.761	7.628.198.764
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.924.666.008.198	57.119.388.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.448.017.015	2.807.042.249
Chi phí khác bằng tiền	240.177.026.784	3.754.422.376
Cộng	8.238.426.253.808	197.473.250.603

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	471.358.203.606
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	680.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Tổng Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.352.719.847	-	350.352.719.847
Phải thu khách hàng	1.832.575.830.816	-	1.832.575.830.816
Đầu tư	-	985.091.726.279	985.091.726.279
Phải thu khác	138.907.493.031	7.654.741.378	146.562.234.409
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.229.046.910)	-	(5.229.046.910)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(187.618.800.283)	(187.618.800.283)
Tổng cộng	2.316.606.996.784	805.127.667.374	3.121.734.664.158
Ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	2.575.736.674.483	14.798.271.511.739	17.374.008.186.222
Phải trả người bán	1.648.288.783.056	626.944.266.919	2.275.233.049.975
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	428.813.700.100	-	428.813.700.100
Tổng cộng	4.652.839.157.639	15.425.215.778.658	20.078.054.936.297
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.336.232.160.855)	(14.620.088.111.284)	(16.956.320.272.139)
Ngày 15/1/2016			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.664.858.126	-	74.664.858.126
Phải thu khách hàng	2.360.955.159.129	-	2.360.955.159.129
Đầu tư	-	941.247.404.569	941.247.404.569
Phải thu khác	176.981.693.449	6.948.429.378	183.930.122.827
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(166.933.656)	-	(166.933.656)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	2.612.434.777.048	948.195.833.947	3.560.630.610.995
Ngày 15/01/2016			
Các khoản vay và nợ	2.522.408.999.823	16.505.103.088.823	19.027.512.088.646
Phải trả người bán	2.132.966.795.957	618.416.284.351	2.751.383.080.308
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	494.222.208.654	-	494.222.208.654
Tổng cộng	5.149.598.004.434	17.123.519.373.174	22.273.117.377.608
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.537.163.227.386)	(16.175.323.539.227)	(18.712.486.766.613)

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2016</i>	<i>15/01/2016</i>	<i>31/12/2016</i>	<i>15/01/2016</i>
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	1.979.138.065.225	2.544.885.281.956	1.973.909.018.315	2.544.718.348.300
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>1.832.575.830.816</i>	<i>2.360.955.159.129</i>	<i>1.827.346.783.906</i>	<i>2.360.788.225.473</i>
<i>Các khoản PT khác</i>	<i>146.562.234.409</i>	<i>183.930.122.827</i>	<i>146.562.234.409</i>	<i>183.930.122.827</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	350.352.719.847	74.664.858.126	350.352.719.847	74.664.858.126
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>350.352.719.847</i>	<i>74.664.858.126</i>	<i>350.352.719.847</i>	<i>74.664.858.126</i>
Tổng cộng	2.329.490.785.072	2.619.550.140.082	2.324.261.738.162	2.619.383.206.426
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	<i>17.374.008.186.222</i>	<i>19.027.512.088.646</i>	<i>17.374.008.186.222</i>	<i>19.027.512.088.646</i>
<i>Phải trả người bán</i>	<i>2.275.233.049.975</i>	<i>2.751.383.080.308</i>	<i>2.275.233.049.975</i>	<i>2.751.383.080.308</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>428.813.700.100</i>	<i>494.222.208.654</i>	<i>428.813.700.100</i>	<i>494.222.208.654</i>
Tổng cộng	20.078.054.936.297	22.273.117.377.608	20.078.054.936.297	22.273.117.377.608

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 15/01/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.2 Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Trong năm 2008, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - chi nhánh của Công ty mẹ chưa được thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng chưa được hoàn tất như sau:

Theo “Báo cáo kiểm toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn” ngày 15/01/2009 của Kiểm toán Nhà nước, tổng số tiền phạt Công ty TNHH Công trình điện Cấp Nhĩ Tân do nhà thầu này thực hiện chậm tiến độ Gói thầu số 3 - “Thiết kế, cung cấp thiết bị, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và chuyển giao công nghệ Nhà máy Nhiệt điện chạy than Cao Ngạn công suất 2x50MW” là 8.505.661,63 USD (tương đương với 193.248.632.234 đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV và nhà

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

thầu vẫn đang trong quá trình đàm phán nên chưa hoàn tất được vấn đề thương mại của gói thầu EPC.

Đồng thời Tổng Công ty đang trong quá trình xem xét để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, vì vậy Tổng Công ty chưa có bút toán điều chỉnh nào được thực hiện liên quan đến vấn đề này.

0640-C
G TY
ỆM HỮU
KF
NAM
AN-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

7.4 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Tổng Công ty.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua, bán nội bộ tập đoàn.
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 03: Báo cáo tài sản cố định mua bán nội bộ Tập đoàn

Thu nhập trong năm tài chính được bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016 của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Từ 15/01/2016 đến 31/12/2016 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	2.582.580.645
Thù lao của Hội đồng Quản trị	312.000.000
Cộng	2.894.580.645

7.5 Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được thành lập và hoạt động kể từ ngày 15/1/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin. Theo đó Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin đã chấm dứt hoạt động và bàn giao toàn bộ tài sản, nguồn vốn và công nợ cho Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP kể từ ngày 15/01/2016.

7.6 Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chưa có quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 15/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016

7.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 14/01/2016 của Tổng Công ty Điện lực – Vinacomin chưa được kiểm toán.

Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 14/01/2016 (14 ngày), không sử dụng để so sánh được do có khác biệt với năm tài chính của Công ty cổ phần.

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

LƯU THỊ MINH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ TRÍ THỊNH

40540
CÔNG TY
HIỂM HỮU
TKV
T NAM
HÀ NỘI - T